

Bản án số: 35/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 25 - 7 - 2019

"Về việc ly hôn, tranh chấp chia tài sản, nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Cương

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung, nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Tuyết H-NĐ, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp TH, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang, (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc P-BĐ, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp TH, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 7, Bộ Công An. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Ông Trần Văn T-NLQ1, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp T-H, xã ĐT, huyện An Minh, Kiên Giang; (Có mặt)

- Anh Trần Trung H-NLQ2, sinh năm 1988. Địa chỉ: T-H, xã ĐT, huyện An Minh, Kiên Giang. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28-02-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17-10-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Tuyết H-NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh P-BĐ kết hôn với nhau vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13-10-2009. Anh, chị sống chung đầm ấm hạnh phúc được một thời gian thì đến tháng 4 năm 2017, anh P-BĐ phạm tội và bị bắt giam, sau đó đi chấp hành án tại Trại giam Kênh 7 cho đến nay. Anh, chị chưa có con chung.

Về tài sản chung, chị H-NĐ kê khai vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 tủ đông bán kem trị giá 2.000.000đ; 01 đầu máy D6 trị giá 500.000đ; 01 cái tivi cũ và một số vật dụng không giá trị. Ngoài ra chị H-NĐ có nợ riêng ông Trần Văn T-NLQ1 (cha ruột chị H-NĐ) 10 chỉ vàng 24k. Số vàng này chị H-NĐ mượn để bán lấy tiền mua 01 chiếc xe máy hiệu SIRIUS, do chị H-NĐ đứng tên; 01 bộ dụng cụ sửa xe trị giá khoảng 3 triệu; 01 mô tô cũ trị giá khoảng 800.000đ và 01 máy honda 5,5hp trị giá 4.500.000đ, các tài sản này là tài sản riêng của chị H-NĐ. Tất cả các tài sản trên hiện chị H-NĐ đang quản lý, sử dụng.

Đối với tài sản và nợ như anh P-BĐ kê khai, chị H-NĐ không thừa nhận gồm: 01 chiếc máy xới là của anh Trần Trung H-NLQ2 (anh ruột chị H-NĐ), không phải là của vợ chồng; ông Trần Văn T-NLQ3 nợ anh, chị số vàng 7 chỉ vàng 24k là không có.

Chị H-NĐ khởi kiện xin ly hôn với anh P-BĐ; về tài sản chị H-NĐ đồng ý giao cho anh P-BĐ số tài sản gồm 01 tủ đông, 01 đầu máy D6, 01 tivi cũ; chị được sử dụng số vật dụng trong nhà. Chị H-NĐ trả nợ cho ông T-NLQ3 và sử dụng toàn bộ số tài sản riêng.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc P-BĐ trình bày. Ngày 27-4-2017, anh P-BĐ bị bắt và bị kết án 8 năm tù, hiện đang chấp hành án.

Anh P-BĐ không đồng ý ly hôn mà có ý kiến chờ anh mãn hạn tù về vợ, chồng sẽ tính.

Tại biên bản hòa giải ngày 28-9-2018, anh P-BĐ trình bày vợ chồng có các tài sản chung gồm: 06 chỉ vàng 24k, 01 xe honda hiệu SIRIUS, 01 tivi, 01 tủ đông, 01 máy honda 5,5hp, 01 đầu máy dầu D6, 01 máy xới, 01 xuồng ba lá be 8 lỗ, một số đồ dùng sinh hoạt; ông Trần Văn T-NLQ3 nợ vợ chồng 7 chỉ

vàng 24k (các tài sản này chị H-NĐ đang quản lý, sử dụng). Trong trường hợp Tòa án xử cho ly hôn, anh P-BĐ yêu cầu chia hai số tài sản trên.

Đến phiên hòa giải ngày 17-5-2019, anh P-BĐ xác định phân tài sản chung anh không yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T-NLQ1 trình bày:
Trước đây ông có gởi chị H-NĐ (là con gái ông) 10 chỉ vàng 24k. Nay ông yêu cầu chị H-NĐ trả lại cho ông để ông sử dụng.

Tại phiên tòa,

- Chị H-NĐ xin ly hôn với anh P-BĐ; tài sản thống nhất theo ý kiến của anh P-BĐ; về nợ 10 chỉ vàng 24k của ông T-NLQ1, chị xin trả dần.

- Anh P-BĐ: thống nhất ly hôn với chị H-NĐ; về tài sản thống nhất giao cho chị H-NĐ toàn bộ; về nợ chung là không có.

- Ông T-NLQ1: yêu cầu H-NĐ trả lại 10 chỉ vàng 24k, loại vàng thường; không đồng ý cho trả dần mà yêu cầu trả một lần.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thảm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh P-BĐ với chị H-NĐ; về con chung chưa có; về tài sản chung ghi nhận sự tự nguyện của anh P-BĐ là giao hết cho chị H-NĐ; về số nợ: chị H-NĐ có trách nhiệm trả cho ông T-NLQ1 10 chỉ vàng 24k, loại vàng thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do anh P-BĐ là bị đơn đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kênh 7, Bộ Công an nên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án kết hợp với Trại giam tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P-BĐ. Đồng thời Tòa án đã 02 lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh, chị tại Trại giam. Để bảo đảm quyền tranh tụng của anh P-BĐ, Tòa án đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền trích xuất anh P-BĐ để tham gia phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị H-NĐ với anh P-BĐ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đông Thạnh, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13-10-2009 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tuy trong quá trình chung sống, chị H-NĐ và anh P-BĐ không phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nhưng đến ngày 28-4-2017 anh P-BĐ bị bắt tạm giam về hành vi phạm tội. Sau đó anh P-BĐ bị kết án 8 năm tù và đi chấp hành án tại cơ sở giam giữ cho đến nay. Từ hành vi vi phạm pháp luật của anh P-BĐ làm cho vợ, chồng không thể sống chung. Đây là nguyên nhân trực tiếp làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H-NĐ cương quyết xin ly hôn và tại phiên tòa anh P-BĐ đồng ý ly hôn. Do đó HĐXX căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị H-NĐ với anh P-BĐ.

[4] Về con chung: anh, chị chưa có con chung.

[5] Về tài sản: Tuy anh, chị khai không thống nhất về tài sản chung, tài sản riêng nhưng tại phiên tòa anh P-BĐ thống nhất giao toàn bộ số tài sản đã kê khai cho chị H-NĐ sở hữu, anh không yêu cầu chia; chị H-NĐ thống nhất theo ý kiến của anh P-BĐ. Do đó HĐXX căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị. Theo đó, chị H-NĐ được quyền sở hữu số tài sản mà chị H-NĐ đang quản lý gồm: 01 xe honda hiệu SIRIUS, 01 tivi, 01 tủ đông, 01 máy honda 5,5hp, 01 đầu máy dầu D6, 01 máy xới, 01 xuồng ba lá be 8 lỗ, 01 bộ dụng cụ sửa xe, 01 mô tơ cũ, một số đồ dùng sinh hoạt.

[6] Về số nợ của ông T-NLQ1: ông T-NLQ1 xác định ông gửi 10 chỉ vàng 24k, loại vàng thường cho chị H-NĐ giữ dùm, nay ông yêu cầu chị H-NĐ trả lại; chị H-NĐ đồng ý trả nhưng xin trả dần; nguyện vọng xin trả dần của chị H-NĐ không được ông T-NLQ1 đồng ý. Căn cứ Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình, chị H-NĐ có trách nhiệm trả cho ông T-NLQ1 10 chỉ vàng 24k, loại vàng thường.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị H-NĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ và án phí đối với nghĩa vụ về tài sản là 10 chỉ vàng 24k x 3.800.000đ/ chỉ x 5 % = 1.900.000đ, tổng cộng là 2.200.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, e khoản 5 Điều

27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[8] Tại phiên tòa, anh P-BĐ có nêu rằng hiện nay chị H-NĐ đang chung sống nhưng vợ chồng với người khác. Xét thấy, chị H-NĐ chưa có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án cho chị được ly hôn với anh P-BĐ nên việc chị H-NĐ chung sống như vợ chồng với người khác là có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật. Kiến nghị UBND xã ĐH B (nơi chị H-NĐ đang cư trú) tiến hành xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, Điều 59; Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a,e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Tuyết H-NĐ và anh Nguyễn Ngọc P-BĐ.

2. Về con chung: Anh, chị chưa có con chung.

3. Về tài sản chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị. Theo đó, chị H-NĐ được quyền sở hữu số tài sản mà chị H-NĐ đang quản lý gồm: 01 xe honda hiệu SIRIUS, 01 tivi, 01 tủ đông, 01 máy honda 5,5hp, 01 đầu máy dầu D6, 01 máy xới, 01 xuồng ba lá be 8 lỗ, 01 bộ dụng cụ sửa xe, 01 mô tô cũ, một số đồ dùng sinh hoạt.

Về nợ: chị Trần Tuyết H-NĐ có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T-NLQ1 10 chỉ vàng 24k, loại vàng thường.

4. Về án phí, chị Trần Tuyết H-NĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng và án phí nghĩa vụ tài sản 1.900.000đ, tổng cộng 2.200.000đ. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008685 ngày 27-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị H-NĐ còn phải nộp thêm 1.900.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25-7-2019). Đương sự

vắng mặt (anh H-NLQ2) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT, An Minh;
- UBND xã ĐH B, An Minh;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

Lê Chí Công